**XÂY DỰNG MA TRẬN, ĐẶC TẢ**

**ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ**

**CUỐI HỌC KÌ II**

**PHÂN MÔN ĐỊA LÍ 6**

**Nhóm thực hiện: PHÚ THỌ, YÊN BÁI**

***- Hải Phòng, tháng 5 năm 2022-***

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT  **TRƯỜNG THCS** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**  **NĂM HỌC:**  **PHÂN MÔN ĐỊA LÍ 6** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | | | | | |
| **Nhận biết** | | | **Thông hiểu** | | | **Vận dụng** | | | **Vận dụng cao** | | | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | | **TL** | **TNKQ** | | **TL** | **TNKQ** | | **TL** |
| 1 | **NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT**  **(10%; 0,5điểm)** | - Các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển  - Vòng tuần hoàn nước  - Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ  - Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển  - Nước ngầm và băng hà | 2TN |  |  | |  |  | |  |  | |  |
| 2 | **ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT**  **(6 tiết; 45%;**  **2,25 - 2,75 điểm)** | - Lớp đất trên Trái Đất. Thành phần của đất  - Các nhân tố hình thành đất  - Một số nhóm đất điển hình ở các đới thiên nhiên.  - Sự sống trên hành tinh  - Sự phân bố các đới thiên nhiên  - Rừng nhiệt đới | 3TN |  |  | | 1TL(a) |  | | 1TL(a) \* |  | | 1TL\* |
| 3 | **CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN**  **(6 tiết; 45%;**  **1,75 - 2,25 điểm)** | - Dân số thế giới  - Sự phân bố dân cư thế giới  - Con người và thiên nhiên  - Bảo vệ tự nhiên, khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững | 3TN |  |  | | 1TL(b) |  | | 1TL(b)\* |  | | 1TL\* |
| Số câu/ loại câu | | | 8 câu TNKQ | | | 1 TL (a, b) | | | 1TL hoặc 1TL(a, b) | | | 1 câu TL | | |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **15%** | | | **10%** | | | **5%** | | |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT  **TRƯỜNG THCS** | **BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**  **NĂM HỌC:**  **PHÂN MÔN ĐỊA LÍ 6** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT**  **(10%-0,5điểm)** | - Các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển  - Vòng tuần hoàn nước  - Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ  - Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển  - Nước ngầm và băng hà | **Nhận biết**  - Kể được tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.  - Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.  - Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn.  - Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới.  - Trình bày được các hiện tượng sóng, thuỷ triều, dòng biển (khái niệm; hiện tượng thủy triều; phân bố các dòng biển nóng và lạnh trong đại dương thế giới). | 2TN |  |  |  |
| 2 | **ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT**  **(45%-2,25điểm)** | - Lớp đất trên Trái Đất. Thành phần của đất  - Các nhân tố hình thành đất  - Một số nhóm đất điển hình ở các đới thiên nhiên trên Trái Đất  - Sự sống trên hành tinh  - Sự phân bố các đới thiên nhiên  - Rừng nhiệt đới | **Nhận biết**  - Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất.  - Xác định được trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên thế giới.  - Kể được tên và xác định được trên bản đồ một số nhóm đất điển hình ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới.  **Thông hiểu**  - Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.  - Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới.  **Vận dụng**  - Nêu được ví dụ về sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương.  **Vận dụng cao**  - Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương. | 3TN | 1TL(a)-1,0điểm | 1TL(a) \* | 1TL\* |
| 3 | **CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN**  **(45%-2,25 điểm)** | - Dân số thế giới  - Sự phân bố dân cư thế giới  - Con người và thiên nhiên  - Bảo vệ tự nhiên, khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững | **Nhận biết**  - Trình bày được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới.  - Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới.  **Thông hiểu**  - Giải thích được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới.  **Vận dụng**  - Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người (tác động đến đời sống sinh hoạt của con người; tác động đến sản xuất).  **Vận dụng cao**  - Trình bày được những tác động chủ yếu của loài người lên thiên nhiên Trái Đất (tác động tích cực; tác động tiêu cực).  - Nêu được ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững. Liên hệ thực tế địa phương. | 3TN | 1TL(b)-0,5đ | 1TL(b)\*  (nếu chọn 01 câu, không lựa chọn đất và sinh vật, số điểm 1,0; nếu chọn Đất và sinh vật thì có 01 ý Đất và sinh vật điểm 0,5) | 1TL\*  (nếu chọn 01 câu TL ở phần vận dụng, thì không lựa chọn phần con người và thiên nhiên |
| Số câu/ loại câu | | | | 8 câu TNKQ | 1 TL (a, b) | 1TL hoặc 1TL(a, b) | 1 câu TL |
| ***Tỉ lệ %*** | | | | ***20%*** | ***15%*** | ***10%*** | ***5%*** |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT  **TRƯỜNG THCS** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**  **NĂM HỌC:**  **PHÂN MÔN ĐỊA LÍ 6**  **Thời gian làm bài:** *45 phút, không kể thời gian giao đề* |

**I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (8 câu; 2,0 điểm)**

**Câu 1.** Nguồn nước nào sau đây **không** phải là nước ngọt trên Trái Đất?

**A.** Nước biển. **B.** Băng hà.

**C.** Nước sông hồ. **D.** Nước ngầm.

**Câu 2.** Dòng sông đổ nước vào sông chính được gọi là

**A.** chi lưu. **B.** mực nước sông.

**C.** phụ lưu. **D.** lưu vực sông.

**Câu 3.** Thành phần nào sau đây chiếm tỉ lệ lớn nhất trong đất?

**A.** Chất hữu cơ. **B.** Khoáng chất.

**C.** Không khí. **D.** Nước.

**Câu 4.** Nhóm đất điển hình ở vùng nhiệt đới là

**A.** đất đen. **B.** đất pốt dôn.

**C.** đất đỏ vàng. **D.** đất khác.

**Câu 5.** Đới nóng nằm trong khoảng từ

**A.** Xích đạo đến chí tuyến Bắc, Nam. **B.** chí tuyến Bắc đến vòng cực Bắc.

**C.** chí tuyến Nam đến vòng cực Nam. **D.** vòng cực đến hai cực Bắc, Nam.

**Câu 6.** Khu vực nào sau đây thường có dân cư tập trung đông đúc?

**A.** Các hoang mạc. **B.** Vùng núi cao.

**C.** Khí hậu băng giá. **D.** Các đồng bằng.

**Câu 7.** Thành phố đông dân nào sau đây thuộc châu Mĩ?

**A.** Mum-bai. **B.** Ô-xa-ca.

**C.** Đắc-ca. **D.** Xao Pao-lô.

**Câu 8.** Châu lục nào sau đây tập trung đông dân nhất thế giới?

**A.** Châu Âu. **B.** Châu Á.

**C.** Châu Phi. **D.** Châu Nam Cực.

**II. TỰ LUẬN (3 câu; 3,0 điểm)**

**Câu 1 (1,5 điểm)**

a. Nêu các nhân tố hình thành đất. Nhân tố nào là quan trọng nhất?

b. Giải thích vì sao dân cư trên thế giới phân bố chưa hợp lí?

**Câu 2 (1,0 điểm)**

Cho biết sự khác nhau về thảm thực vật đới nóng và đới ôn hòa. Phân tích tác động tích cực của thiên nhiên đến đời sống con người.

**Câu 3 (0,5 điểm)**

Kể tên một số hành động hàng ngày góp phần bảo vệ tự nhiên.

**---Hết---**

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT  **TRƯỜNG THCS** | **HƯỚNG DẪN CHẤM**  **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**  **NĂM HỌC:**  **PHÂN MÔN ĐỊA LÍ 6** |

**I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (8 câu; 2,0 điểm)**

*Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| Đáp án | A | C | B | C | A | D | D | B |

**II. TỰ LUẬN (3 câu; 3,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1 (1,5 điểm)** | **a. Trình bày các nhân tố hình thành đất. Nhân tố nào là quan trọng nhất?** |  |
| - Các nhân tố hình thành đất: Đá mẹ, khí hậu, sinh vật, địa hình, thời gian. | 0,5 |
| - Đá mẹ là nhân tố quan trọng nhất trong việc hình thành đất. | 0,5 |
| **b. Giải thích vì sao dân cư trên thế giới phân bố chưa hợp lí?** |  |
| - Dân cư trên thế giới phân bố chưa hợp lí do phụ thuộc vào điệu kiện kinh tế - xã hội và hoàn cảnh tự nhiên. | 0,25 |
| - Những nơi kinh tế phát triển, điều kiện tự nhiên thuận lợi thì dân cư đông đúc.  - Những nơi kinh tế kém phát triển, khí hậu khắc nghiệt, dân cư thưa thớt. | 0,25 |
| **Câu 2 (1,0 điểm)** | **Cho biết sự khác nhau về thảm thực vật đới nóng và đới ôn hòa.** |  |
| + Đới nóng: rừng mưa nhiệt đới, rừng nhiệt đới gió mùa, xa van…  + Đới ôn hòa: rừng lá rộng, rừng lá kim, thảo nguyên… | 0,5 |
| **Phân tích tác động tích cực của thiên nhiên đến đời sống con người.** |  |
| - Thiên nhiên cung cấp những điều kiện cần thiết cho con người tồn tại: không khí, ánh sáng, nhiệt lượng, nước… | 0,25 |
| - Thiên nhiên cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu…cho sản xuất và sinh hoạt của con người: khoáng sản, sinh vật… | 0,25 |
| **Câu 3 (0,5 điểm)** | **Kể tên một số hành động hàng ngày góp phần bảo vệ tự nhiên.** |  |
| - Sử dụng tiết kiệm, hợp lí và hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên. | 0,25 |
| - Tích cực trồng, chăm sóc cây xanh và bảo vệ rừng, … | 0,25 |

**---Hết---**